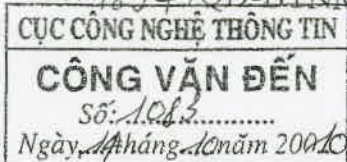


BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1894/QĐ-BTNMT



Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2269/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng;
- Lưu VT, Vụ KH.50.

Ch 5



Nguyễn Văn Đức

17

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

DEPARTMENT OF CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

LABORATORY

CHICAGO, ILLINOIS

1950

RESEARCH REPORT

NO. 1



UNIVERSITY OF CHICAGO

QUY CHẾ

Quản lý các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1834/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 10 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, nghiệm thu và bàn giao sản phẩm các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn (sau đây gọi chung là dự án chuyên môn) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quy chế này được áp dụng thống nhất đối với tất cả các đơn vị trực thuộc Bộ trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện các dự án chuyên môn.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý các dự án

1. Việc mở mới các dự án chuyên môn phải căn cứ vào quy hoạch, chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực, chương trình công tác của Quốc hội và Chính phủ, chương trình kế hoạch trung, dài hạn và nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của Bộ.

2. Các dự án chuyên môn phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện được giao kế hoạch và dự toán ngân sách để triển khai thực hiện. Trường hợp đặc biệt Bộ sẽ có quyết định riêng.

3. Việc thực hiện các dự án chuyên môn phải theo đúng quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của từng lĩnh vực chuyên môn.

4. Công tác kiểm tra, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm dự án hoàn thành được thực hiện theo quy định của từng ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền ban hành.

5. Dự án chuyên môn chỉ được thanh quyết toán kinh phí khi có đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu, biên bản giao nộp sản phẩm hoặc phiếu nhập kho sản phẩm và chứng từ thanh toán theo quy định.

Điều 3. Các loại dự án chuyên môn và thẩm quyền phê duyệt

1. Phân loại dự án chuyên môn:

Tuỳ theo tính chất nhiệm vụ và quy mô, các dự án chuyên môn được phân loại như sau:

a) Dự án cấp quốc gia: là dự án có mục tiêu nhằm giải quyết những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hoặc có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều Bộ, ngành và địa phương, nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau.

b) Dự án cấp Bộ: là dự án có mục tiêu nhằm giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, ngành.

2. Thẩm quyền phê duyệt dự án: *

a) Dự án cấp quốc gia: Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Dự án cấp Bộ: Các đơn vị trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc thực hiện phê duyệt theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng.

Điều 4. Quy trình xây dựng, quản lý thực hiện các dự án chuyên môn

Quy trình xây dựng, quản lý và thực hiện các dự án, nhiệm vụ chuyên môn được tiến hành theo các bước sau:

1. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án chuyên môn;

2. Giao kế hoạch, dự toán và thực hiện dự án chuyên môn;

3. Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, kết thúc dự án chuyên môn.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN CHUYÊN MÔN

Điều 5. Phê duyệt chủ trương mở mới dự án chuyên môn

1. Vào tháng 4 hàng năm, căn cứ vào chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực, quy hoạch, chương trình kế hoạch 5 năm của Bộ, chương trình công tác của Quốc hội và Chính phủ, các đơn vị trực thuộc Bộ chủ động đề xuất danh mục dự án chuyên môn gửi về các cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực chuyên môn để tổng hợp, gửi Bộ (qua Vụ Kế hoạch trước ngày 30 tháng 4) thẩm định, phê duyệt.

2. Hồ sơ đề xuất dự án bao gồm:

a) Công văn đề nghị của văn phòng Bộ, các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ;

b) Danh mục các dự án cần mở mới;

c) Đề cương sơ bộ cho từng dự án theo mẫu tại phụ lục số 01.

3. Nguyên tắc xác định danh mục dự án chuyên môn mở mới:

a) Tên dự án: phải thể hiện được nội dung cơ bản của dự án.

b) Cơ sở pháp lý đề xuất dự án: phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực, chương trình kế hoạch 5 năm của Bộ, chương trình công tác năm của Bộ, chương trình công tác của Quốc hội và Chính phủ và các văn bản chỉ đạo khác.

c) Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án: nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình quản lý nhà nước của ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn.

d) Nội dung chính của dự án: những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án; giải pháp kỹ thuật - công nghệ lựa chọn; khối lượng công việc cần thực hiện; dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường.

đ) Sản phẩm của dự án: phải đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của ngành hoặc lĩnh vực và giải quyết được vấn đề thực tiễn đặt ra, đảm bảo tính bền vững (khả năng quản lý, vận hành, duy trì dự án) sau khi hoàn thành.

e) Kế hoạch thực hiện dự án: thời gian khởi công, thời gian hoàn thành phải có tính khả thi và phù hợp với khả năng đáp ứng của ngân sách hàng năm.

g) Dự kiến đơn vị chủ trì thực hiện dự án: phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và năng lực thực tế của đơn vị.

4. Thẩm định, trình duyệt danh mục dự án chuyên môn mở mới:

a) Căn cứ vào hồ sơ đề xuất dự án chuyên môn, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực chuyên môn và các Vụ chức năng có liên quan thuộc Bộ tiến hành thẩm định theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 nêu trên. Việc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc tổ chức buổi làm việc do Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chủ trì.

b) Trên cơ sở ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước chuyên môn và các đơn vị có liên quan, Vụ Kế hoạch tổng hợp, trình Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn (sau đây gọi tắt là Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực) danh mục dự án chuyên môn mở mới (được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết của dự án). Vụ Kế hoạch căn cứ quyết định của Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực, tổng hợp thành Danh mục dự án chuyên môn mở mới theo từng lĩnh vực chuyên môn trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt.

c) Quyết định phê duyệt Danh mục dự án chuyên môn mở mới cho năm kế hoạch (theo mẫu tại phụ lục số 2) phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 hàng năm để đơn vị có căn cứ xây dựng dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Trường hợp đặc biệt, việc phê duyệt bổ sung chủ trương mở mới các dự án chuyên môn sau thời điểm trên do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 6. Lập dự án chuyên môn

1. Căn cứ danh mục dự án chuyên môn mở mới đã được Bộ trưởng phê duyệt chủ trương, đơn vị được giao chủ trì thực hiện tiến hành xây dựng dự án hoặc lập đề cương chi tiết nhiệm vụ và dự toán kinh phí của dự án, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về nội dung của dự án, trình cấp có thẩm quyền thẩm

định và phê duyệt làm căn cứ giao kế hoạch nhiệm vụ và phân bổ dự toán Ngân sách nhà nước hàng năm để tổ chức thực hiện.

2. Công tác lập dự án chuyên môn bao gồm toàn bộ các công việc nghiên cứu, khảo sát, xác định nội dung chuyên môn, lập dự toán kinh phí, hoàn thiện văn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án. Nội dung cơ bản của dự án bao gồm:

a) Sự cần thiết, mục tiêu và nhiệm vụ của dự án: cần nêu rõ cơ sở pháp lý, mục tiêu (mục tiêu lâu dài, mục tiêu trước mắt - nếu có), nhiệm vụ cụ thể của dự án; thời gian thực hiện, địa điểm thực hiện dự án, chủ dự án, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp thực hiện (nếu có).

b) Hiện trạng về thông tin tư liệu: nêu rõ đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của khu vực thực hiện dự án; những thông tin, tư liệu, công việc, các nhiệm vụ dự án khác đã và đang thực hiện có liên quan đến dự án và đánh giá cụ thể mức độ sử dụng của từng loại thông tin tư liệu đã có phục vụ cho dự án.

c) Nội dung chuyên môn: xác định rõ giải pháp kỹ thuật - công nghệ; nội dung và khối lượng công việc cần thực hiện. Trường hợp đặc biệt cần mua sắm thiết bị, tài sản trong các dự án chuyên môn và nhiệm vụ khảo sát học tập kinh nghiệm ở nước ngoài, đơn vị chủ trì xây dựng dự án lập tờ trình báo cáo và phải được Lãnh đạo Bộ có ý kiến đồng ý bằng văn bản mới được đưa vào nội dung dự án.

d) Tổ chức thực hiện: phân công rõ trách nhiệm đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện (nếu có); xây dựng kế hoạch chi tiết thời gian thực hiện dự án (từ khi khởi công đến khi hoàn thành dự án).

đ) Sản phẩm của dự án: xác định rõ số lượng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm phải giao nộp; điều kiện đảm bảo tính bền vững của dự án (khả năng quản lý, vận hành, duy trì sau khi dự án kết thúc) và dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội, môi trường mà dự án sẽ mang lại.

e) Dự toán kinh phí:

- Cơ sở lập dự toán bao gồm các văn bản pháp lý được sử dụng để lập dự toán như các quy định, thông tư hướng dẫn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, tiêu chuẩn chi và các văn bản khác có liên quan;

- Lập dự toán chi tiết cho từng hạng mục công việc theo khối lượng đã xác định trong thuyết minh dự án và tổng hợp kinh phí của toàn bộ dự án;

- Đối với những dự án lớn chưa lập được dự toán chi tiết cho từng hạng mục công việc thì có thể lập khái toán cho các hạng mục công việc chính, trong quá trình triển khai dự án sẽ lập dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện;

- Trường hợp dự án cần triển khai trong nhiều năm thì phải xác định nhu cầu kinh phí theo từng năm để làm cơ sở lập kế hoạch và giao dự toán kinh phí thực hiện hàng năm;

g) Nguồn kinh phí: nêu rõ nguồn kinh phí thực hiện dự án (sự nghiệp kinh tế hoặc sự nghiệp môi trường...).

h) Phần phụ lục (nếu có).

Nội dung cơ bản của dự án chuyên môn theo mẫu tại phụ lục số 3 kèm theo Quy chế này. Nội dung chi tiết dự án chuyên môn từng lĩnh vực sẽ theo quy định cụ thể của từng lĩnh vực chuyên môn.

Điều 7. Thẩm định và phê duyệt dự án chuyên môn

1. Nội dung thẩm định bao gồm:

a) Cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và thực tiễn, mức độ tin cậy của các thông tin dữ liệu để lập dự án chuyên môn.

b) Sự phù hợp với chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực, quy hoạch, kế hoạch 5 năm của Bộ, chương trình công tác của Quốc hội, Chính phủ và các văn bản chỉ đạo khác.

c) Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật, giải pháp công nghệ đề xuất với quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật theo từng ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền ban hành.

d) Sự phù hợp của nội dung nhiệm vụ, khối lượng công việc với tiến độ thực hiện và khả năng đáp ứng về trang thiết bị kỹ thuật, nguồn nhân lực của đơn vị chủ trì và tham gia thực hiện dự án chuyên môn.

đ) Sự phù hợp của cơ sở lập dự toán, đơn giá sản phẩm sử dụng để tính dự toán kinh phí thực hiện dự án chuyên môn so với quy định của chế độ tài chính hiện hành; tính hợp lý của tổng mức dự toán dự án chuyên môn, phân kỳ kinh phí thực hiện.

2. Trình tự thẩm định và trách nhiệm trình duyệt dự án chuyên môn quy định như sau:

a) Đối với các dự án chuyên môn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

- Đơn vị được giao chủ trì tiến hành xây dựng dự án chuyên môn gửi các cơ quan, đơn vị có chức năng liên quan xin ý kiến thẩm định về mục tiêu, nhiệm vụ, thiết kế kỹ thuật - giải pháp công nghệ, nội dung khối lượng công việc, tiến độ thực hiện và sản phẩm của dự án chuyên môn.

- Trước khi gửi dự án chuyên môn về Bộ để thẩm định, đơn vị phải tiến hành thẩm định ở cấp cơ sở và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về chất lượng nội dung dự án; quy trình thẩm định cấp cơ sở do thủ trưởng đơn vị quyết định.

- Sau khi nhận Hồ sơ dự án chuyên môn do đơn vị trình (gồm Tờ trình, Giải trình chi tiết ý kiến tiếp thu của các đơn vị thẩm định, kết luận của Hội đồng cấp cơ sở và 03 bộ tài liệu dự án); Vụ Kế hoạch gửi tài liệu dự án đến các Vụ chức năng liên quan thuộc Bộ (trường hợp cần thiết có thể gửi tới cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan trong và ngoài Bộ) để lấy ý kiến thẩm định về mục tiêu, nhiệm vụ, thiết kế kỹ thuật - giải pháp công nghệ, nội dung

khối lượng công việc, cơ sở lập dự toán, tiến độ thực hiện và sản phẩm của dự án chuyên môn.

Tùy thuộc vào tính chất, quy mô và tầm quan trọng của dự án chuyên môn; trường hợp cần thiết, Vụ Kế hoạch đề xuất Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực thành lập Hội đồng thẩm định dự án chuyên môn. Thành phần Hội đồng sẽ gồm đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan, các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực chuyên môn của dự án. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án chuyên môn theo mẫu tại phụ lục số 4 kèm theo Quy chế này.

Thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sau khi có ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị và kết luận của Hội đồng thẩm định (nếu có), Vụ Kế hoạch tổng hợp và thông báo kết quả thẩm định cho đơn vị chủ trì dự án để tiếp thu sửa chữa. Thời gian chỉnh sửa không quá 05 ngày làm việc.

- Sau khi tiếp thu chỉnh sửa theo kết quả thẩm định, đơn vị chủ trì dự án gửi 03 bộ tài liệu dự án kèm theo Tờ trình (trong đó nêu rõ những nội dung đã tiếp thu sửa chữa theo các ý kiến thẩm định và giải trình cụ thể những nội dung bảo lưu không chỉnh sửa) về Bộ. Vụ Kế hoạch có trách nhiệm kiểm tra và dự thảo Văn bản trình Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực ký gửi các Bộ, ngành có liên quan lấy ý kiến thẩm định.

- Sau khi có ý kiến thẩm định của các Bộ, ngành có liên quan, Vụ Kế hoạch thông báo cho đơn vị chủ trì dự án tiếp thu, hoàn thiện dự án và dự thảo Tờ trình của Bộ trình Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực ký trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hồ sơ đơn vị chủ trì dự án gửi về Bộ gồm 03 bộ tài liệu dự án kèm theo Tờ trình (trong đó nêu rõ những nội dung đã tiếp thu sửa chữa theo các ý kiến thẩm định và giải trình cụ thể những nội dung bảo lưu không chỉnh sửa). Thời gian xem xét lại việc hoàn thiện dự án và dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Bộ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Đối với các dự án chuyên môn do Bộ phê duyệt:

- Trình tự thẩm định cấp cơ sở các dự án chuyên môn vận dụng theo trình tự quy định tại mục a nêu trên.

- Sau khi nhận được Tờ trình phê duyệt và 03 bộ tài liệu dự án, Vụ Kế hoạch kiểm tra về mục tiêu, nhiệm vụ, thiết kế kỹ thuật - giải pháp công nghệ, nội dung khối lượng công việc, tiến độ thực hiện và sản phẩm của dự án chuyên môn, lập Báo cáo kết quả thẩm định nội dung chuyên môn theo mẫu tại phụ lục số 5 và dự thảo Quyết định phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chuyên môn theo mẫu tại phụ lục số 7 kèm theo Quy chế này, trình Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực xem xét, ký duyệt hoặc thực hiện phê duyệt theo ủy quyền của Bộ trưởng. Thời gian thẩm định không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Căn cứ nội dung, nhiệm vụ chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Vụ Tài chính kiểm tra chi tiết dự toán kinh phí, lập Báo cáo kết quả thẩm định dự toán kinh phí theo mẫu tại phụ lục số 6 và dự thảo Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện dự án chuyên môn theo mẫu tại phụ lục số 8 kèm

theo Quy chế này, trình Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực ký duyệt hoặc thực hiện phê duyệt theo ủy quyền của Bộ trưởng. Thời gian thẩm định và phê duyệt không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Đối với các dự án Bộ phân cấp cho các đơn vị phê duyệt:

- Trình tự, thời gian thẩm định và thể thức văn bản phê duyệt do thủ trưởng đơn vị tự quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung phê duyệt của mình.

- Sau 05 ngày làm việc (kể từ khi dự án được phê duyệt) đơn vị phải gửi Quyết định phê duyệt kèm theo Báo cáo thẩm định và Dự án đã được đóng dấu chính thức về Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính để theo dõi và quản lý.

- Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

GIAO KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN CHUYÊN MÔN

Điều 8. Lập kế hoạch và dự toán hàng năm cho các dự án chuyên môn

1. Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn lập kế hoạch và dự toán ngân sách của Bộ, các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ có trách nhiệm lập kế hoạch và dự toán chi cho các dự án chuyên môn cùng với dự toán chi hoạt động thường xuyên hàng năm của đơn vị theo đúng tiến độ quy định.

2. Nguyên tắc lập kế hoạch và dự toán dự án chuyên môn hàng năm:

a) Đối với dự án chuyên môn chuyển tiếp và hoàn thành: lập kế hoạch nhiệm vụ và dự toán ngân sách hàng năm căn cứ vào kết quả thực hiện của năm trước, tiến độ triển khai và phân kỳ kinh phí thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với dự án chuyên môn mở mới: lập kế hoạch nhiệm vụ và dự toán ngân sách cho toàn bộ dự án (nếu dự án chỉ thực hiện trong một năm) hoặc lập cho năm đầu thực hiện (nếu dự án phải triển khai trong nhiều năm).

Điều 9. Phân bổ dự toán và giao kế hoạch nhiệm vụ chuyên môn

1. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập phương án giao dự toán cho các dự án chuyên môn theo nguyên tắc:

a) Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ khối lượng đối với các dự án chuyên môn hoàn thành đã được nghiệm thu nhưng còn thiếu vốn;

b) Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyên môn kết thúc trong năm kế hoạch theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Bố trí vốn cho các dự án chuyên tiếp theo tiến độ thực hiện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Sau khi bố trí theo nguyên tắc nêu trên, số dự toán NSNN còn lại được phân bổ cho các dự án mở mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để triển khai thực hiện trong năm kế hoạch. Trường hợp khả năng ngân sách không đáp ứng đủ thì tập trung cho những dự án trọng điểm, cấp bách theo thứ tự ưu tiên trong Danh mục các dự án chuyên môn mở mới được Bộ trưởng phê duyệt.

2. Sau khi phương án phân bổ dự toán ngân sách của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được Bộ Tài chính có ý kiến thẩm định, Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại lần cuối kế hoạch và dự toán dự án chuyên môn để tổng hợp trình Bộ trưởng quyết định giao kế hoạch và dự toán cùng với dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị.

Điều 10. Tổ chức thực hiện dự án chuyên môn

1. Thực hiện dự án bao gồm toàn bộ các công việc từ khi có quyết định phê duyệt dự án, giao kế hoạch thực hiện cho đến khi hoàn thành toàn bộ dự án.

2. Phương thức triển khai thực hiện dự án chuyên môn được quy định như sau:

a) Đối với các nội dung nhiệm vụ, dự án chuyên môn do đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ thực hiện, tiến hành theo phương thức giao nhiệm vụ cho đơn vị trực tiếp thực hiện dự án;

b) Đối với các nội dung nhiệm vụ, dự án chuyên môn do doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ trực tiếp thực hiện, tiến hành theo phương thức ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị chủ trì dự án;

c) Trường hợp các nội dung nhiệm vụ, dự án chuyên môn do các đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ không đủ điều kiện thực hiện phải thuê bên ngoài, tiến hành theo phương thức tuyển chọn tư vấn hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công theo quy định hiện hành và phải được nêu rõ trong quyết định phê duyệt dự án hoặc có chủ trương chính thức bằng văn bản của Bộ.

Các Tổng cục, các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng mẫu "Hồ sơ mời thầu hoặc tuyển chọn tư vấn" và "Tiêu chí xét thầu hoặc tuyển chọn tư vấn" thuộc lĩnh vực quản lý, trình Bộ trưởng ban hành làm căn cứ tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ nội dung dự án và dự toán ngân sách được giao, đơn vị chủ trì phối hợp với đơn vị thực hiện dự án triển khai các hạng mục công việc đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung nhiệm vụ và tiến độ kế hoạch của dự án chuyên môn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Bổ sung, điều chỉnh dự án chuyên môn

1. Trong quá trình thực hiện dự án chuyên môn, nếu phải thay đổi địa điểm, thay đổi nội dung chuyên môn, thiết kế kỹ thuật - công nghệ do yêu cầu

quản lý, hoặc Nhà nước có thay đổi chính sách chế độ thì đơn vị chủ trì dự án chuyên môn phải tiến hành thẩm định cấp cơ sở trước khi lập tờ trình, thuyết minh chi tiết báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh lại nội dung, nhiệm vụ chuyên môn hoặc dự toán kinh phí của dự án.

2. Đối với những dự án chuyên môn do Thủ tướng Chính phủ và Bộ phê duyệt, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định những thay đổi về nội dung, Vụ Tài chính thẩm định dự toán và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án.

Đối với các dự án chuyên môn đã phân cấp cho các đơn vị phê duyệt, thủ trưởng đơn vị phải báo cáo, thuyết minh giải trình chi tiết được Bộ chấp thuận bằng văn bản trước khi quyết định và phải chịu trách nhiệm về nội dung điều chỉnh, bổ sung của mình.

3. Trường hợp do yếu tố khách quan không thể tiếp tục thực hiện dự án chuyên môn thì đơn vị chủ trì dự án phải báo cáo Bộ và được chấp thuận bằng văn bản trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án ban hành quyết định đình chỉ hoặc dừng thực hiện dự án. Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị phải lập đầy đủ hồ sơ để làm cơ sở thanh quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện, bao gồm:

a) Quyết định đình chỉ hoặc dừng thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền;

b) Biên bản kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của cơ quan có thẩm quyền;

c) Báo cáo quyết toán kinh phí khối lượng đã thực hiện;

d) Các chứng từ thanh toán có liên quan.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát thực hiện dự án chuyên môn

1. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đơn vị chủ trì dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động ngay từ giai đoạn đầu cho đến khi kết thúc dự án, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, đảm bảo thi công theo đúng quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chi theo đúng tiêu chuẩn, định mức, đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Các đơn vị quản lý nhà nước (theo chức năng nhiệm vụ được giao) có trách nhiệm kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất quá trình triển khai thực hiện dự án, chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng mục tiêu, nội dung nhiệm vụ, tiến độ kế hoạch và yêu cầu sản phẩm của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Quyết toán dự án chuyên môn theo niên độ

1. Khối lượng hoàn thành:

Khối lượng nhiệm vụ công việc dự án chuyên môn quyết toán theo niên độ là những sản phẩm hoặc bước công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt

trong dự án thuộc phạm vi kế hoạch giao, đã được nghiệm thu ở các cấp và bàn giao cho đơn vị sử dụng (nếu là sản phẩm trung gian) hoặc nộp vào lưu trữ (nếu là sản phẩm cuối cùng) theo Quy chế kiểm tra, nghiệm thu của từng lĩnh vực chuyên môn, có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

2. Giá trị quyết toán:

a) Đối với hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá: giá trị quyết toán được xác định bằng khối lượng công việc hoàn thành nhân (x) đơn giá dự toán được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định.

b) Đối với hạng mục công việc chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá: giá trị quyết toán được xác định theo chứng từ thực tế và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành nhưng không vượt quá giá trị dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV **NGHIỆM THU, KẾT THÚC DỰ ÁN CHUYÊN MÔN**

Điều 14. Nghiệm thu dự án chuyên môn

1. Yêu cầu nghiệm thu:

a) Quy chế kiểm tra, nghiệm thu của từng lĩnh vực chuyên ngành phải bao gồm các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao theo các chỉ tiêu cơ bản sau:

- Khối lượng công việc hoàn thành;
- Chất lượng công việc hoàn thành;
- Tiến độ hoặc thời hạn hoàn thành;
- Tình hình thực hiện kinh phí (thanh toán, quyết toán theo niên độ...);
- Tình hình chấp hành quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn về kỹ thuật và chính sách, chế độ về tài chính.

b) Sản phẩm hoặc bước công việc được công nhận hoàn thành khi đã thực hiện đầy đủ những yêu cầu chuyên môn do dự án đề ra, bảo đảm thi công theo đúng quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và được đơn vị có chức năng kiểm tra, nghiệm thu khối lượng, chất lượng theo Quy chế kiểm tra, nghiệm thu của từng lĩnh vực chuyên môn.

c) Tùy theo tính chất, đặc điểm của từng dự án chuyên môn, công tác kiểm tra, nghiệm thu về khối lượng, chất lượng sản phẩm được tiến hành theo từng phần công việc hoặc từng năm kế hoạch và nghiệm thu tổng thể (toàn bộ) dự án khi kết thúc.

2. Trách nhiệm nghiệm thu:

- Trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu, xác nhận kết quả dự án hoàn thành được quy định như sau:

+ Tổng cục Quản lý Đất đai có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực quản lý đất đai;

+ Tổng cục Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực môi trường;

+ Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực biển và hải đảo;

+ Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

+ Cục Quản lý tài nguyên nước có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực tài nguyên nước;

+ Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

+ Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;

+ Cục Công nghệ thông tin có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án, xác nhận kết quả dự án hoàn thành thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Trong trường hợp đặc biệt (dự án về xây dựng chiến lược, quy hoạch ngành...) Bộ sẽ có quy định riêng, trên cơ sở đề nghị của đơn vị chủ trì dự án.

3. Trình tự, thủ tục nghiệm thu

a) Kiểm tra, nghiệm thu theo niên độ:

- Đơn vị chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, nghiệm thu toàn bộ sản phẩm hoặc hạng mục công việc do đơn vị trực tiếp thực hiện trong năm và lập hồ sơ nghiệm thu gửi Tổng cục hoặc Cục quản lý nhà nước chuyên ngành xác nhận khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành theo Quy chế kiểm tra, nghiệm thu của từng lĩnh vực chuyên môn trước ngày 05 tháng 01 năm sau.

- Tổng cục hoặc Cục quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ nghiệm thu; xác nhận khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành theo từng năm kế hoạch xong trước ngày 15 tháng 01 năm sau để đơn vị thực hiện dự án hoàn tất thủ tục thanh toán với Kho bạc Nhà nước trong thời gian chính lý quyết toán.

b) Kiểm tra, nghiệm thu dự án kết thúc:

- Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục công việc, đơn vị chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm lập hồ sơ nghiệm thu tổng thể (toàn bộ) dự án gửi cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu dự án theo quy định.

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ), cơ quan quản lý nhà nước chuyên môn có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ nghiệm thu và xác nhận kết quả dự án hoàn thành theo quy định để làm căn cứ quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 15. Giao nộp sản phẩm dự án chuyên môn

1. Tất cả các sản phẩm dự án hoàn thành sau khi được nghiệm thu đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng đều phải bàn giao cho đơn vị sử dụng (nếu là sản phẩm chuyển tiếp) hoặc nộp vào cơ quan lưu trữ (nếu là sản phẩm hoàn thành) theo quy chế giao nộp sản phẩm của từng lĩnh vực chuyên môn.

2. Hồ sơ giao nộp gồm:

a) Một bản dự án và quyết định phê duyệt (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung nếu có).

b) Hồ sơ nghiệm thu dự án (theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu của từng lĩnh vực chuyên môn).

c) Các sản phẩm của dự án bao gồm: sản phẩm cuối cùng, sản phẩm trung gian (nếu có) của dự án.

3. Biên bản giao nộp sản phẩm là căn cứ để nghiệm thu tổng thể dự án và phê duyệt dự án chuyên môn hoàn thành theo quy định.

4. Sản phẩm của dự án hoàn thành sau khi được giao nộp, ngoài việc quản lý chặt chẽ và lưu trữ tại các cơ quan, đơn vị có chức năng thu nhận thông tin thuộc các cơ quan quản lý nhà nước chuyên môn, phải được đưa vào hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường (trừ tài liệu mật có quy định riêng) để cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực và nhu cầu khai thác, sử dụng của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân cho mục đích an sinh xã hội, phát triển kinh tế đất nước.

Điều 16. Phê duyệt dự án chuyên môn hoàn thành

1. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày sau khi được cơ quan quản lý nhà nước chuyên môn xác nhận kết quả dự án hoàn thành và giao nộp sản phẩm vào lưu trữ theo quy định, đơn vị chủ trì dự án phải lập báo cáo tổng kết (hoặc báo cáo kết thúc dự án) gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt dự án chuyên môn hoàn thành.

2. Báo cáo tổng kết (hoặc báo cáo kết thúc dự án) phải nêu khái quát quá trình thực hiện dự án, so sánh giữa khối lượng đã được nghiệm thu và giá trị sản phẩm đã quyết toán so với khối lượng và giá trị dự toán được phê duyệt, thuyết minh những thay đổi và phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu, yêu cầu sản phẩm của dự án được cấp có thẩm

quyền phê duyệt, đánh giá tác động của dự án tới công tác quản lý nhà nước ngành/lĩnh vực, hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường của dự án.

3. Khối lượng dự án hoàn thành là toàn bộ khối lượng sản phẩm hoặc công việc hoàn thành đã nghiệm thu theo bước công việc hoặc theo từng năm kế hoạch đã được bàn giao cho đơn vị khai thác sử dụng (nếu là sản phẩm chuyên tiếp) hoặc nộp vào cơ quan lưu trữ (nếu là sản phẩm hoàn thành) theo quy định.

4. Cấp phê duyệt dự án chuyên môn hoàn thành thực hiện theo quy định về thẩm quyền phê duyệt dự án chuyên môn mở mới. Quyết định phê duyệt dự án chuyên môn hoàn thành theo mẫu tại phụ lục số 9 kèm theo Quy chế này.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thi hành .

1. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện đầy đủ những quy định tại Quy chế này.

2. Vụ trưởng Vụ Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu, quy định tại khoản 2, Điều 10 Quy chế này.

3. Thủ trưởng các Tổng cục, các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm cụ thể hóa toàn bộ những nội dung quy định trên đây để xây dựng thành các quy chế quản lý và thực hiện các dự án chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên môn được giao, trình Bộ trưởng ban hành trước ngày 30 tháng 11 năm 2010.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, sửa chữa, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Đức

Phu lục số 1: Mẫu đề cương sơ bộ đề xuất dự án mở mới

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG , ngày tháng năm
(Tên cơ quan đề xuất dự án)

ĐỀ CƯƠNG SƠ BỘ

1. Tên dự án;
2. Cơ sở pháp lý đề xuất dự án;
3. Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án;
4. Nội dung chính của dự án;
5. Phạm vi thực hiện dự án;
6. Kế hoạch thực hiện dự án;
7. Khái toán kinh phí và nguồn vốn;
8. Sản phẩm của dự án;
9. Dự kiến hiệu quả của dự án;
10. Dự kiến đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện dự án (nếu có).

Ý KIẾN PHÊ DUYỆT CỦA BỘ TN&MT
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
(Ký tên và đóng dấu)



Phụ lục số 2: Mẫu phê duyệt danh mục dự án mở mới

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 200

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục dự án chuyên môn mở mới năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số;

Căn cứ Thông tư số...

....

Xét đề nghị của Đơn vị... tại Tờ trình số / ngày tháng năm 200 về việc đề nghị phê duyệt Dự án ... ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (*số lượng*) Danh mục dự án, nhiệm vụ chuyên môn mở mới năm ... thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Quản lý đất đai: gồm (*số lượng*) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 01 kèm theo Quyết định này.
2. Lĩnh vực Môi trường: gồm (*số lượng*) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 02 kèm theo Quyết định này.
3. Lĩnh vực Biển và Hải đảo: gồm (*số lượng*) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 03 kèm theo Quyết định này.
4. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản: gồm (*số lượng*) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 04 kèm theo Quyết định này.
5. Lĩnh vực Tài nguyên nước: gồm (*số lượng*) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 05 kèm theo Quyết định này.
6. Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ: gồm (*số lượng*) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 06 kèm theo Quyết định này.

7. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu: gồm (số lượng) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 07 kèm theo Quyết định này.

8. Lĩnh vực Công nghệ thông tin: gồm (số lượng) dự án, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong biểu số 08 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị chủ trì dự án tiến hành xây dựng dự án chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước 30 tháng 11 năm... làm căn cứ giao kế hoạch nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách để triển khai thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng đơn vị... và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ/ngành liên quan khác (nếu có);
- Lưu VP, Vụ KH.



DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MÔN MÔI TRƯỜNG.....

LĨNH VỰC

(Biểu số Kèm theo Quyết định số.../QĐ-BTNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Tên dự án chuyên môn	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Kê hoạch thực hiện	Đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện
1						
2						
...						

Phụ lục số 3: Mẫu Đề cương chi tiết dự án chuyên môn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG , ngày tháng năm
(Tên cơ quan quản lý dự án)
(Tên cơ quan lập dự án)

TÊN DỰ ÁN CHUYÊN MÔN

I. Thông tin khái quát về dự án:

1. Cơ sở pháp lý của dự án;
2. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của dự án;
3. Đơn vị chủ trì dự án, đơn vị phối hợp (nếu có);
4. Tóm tắt nội dung và các hoạt động chủ yếu của dự án;
5. Phạm vi thực hiện dự án;
6. Thời gian thực hiện dự án (khởi công - hoàn thành);
7. Tổng dự toán thực hiện dự án;
8. Nguồn vốn thực hiện dự án.

II. Nội dung chương trình, dự án

1. Sự cần thiết phải có chương trình, dự án: Hiện trạng tư liệu, thông tin liên quan đến dự án; khái quát vấn đề cần giải quyết.

2. Nội dung, giải pháp thực hiện dự án: Mô tả những vấn đề phải giải quyết trong khuôn khổ chương trình, dự án; phương án thiết kế kỹ thuật - công nghệ; các hạng mục hay các hoạt động chủ yếu của dự án.

3. Sản phẩm của dự án: sản phẩm trung gian và cuối cùng (số lượng, quy cách...).

4. Tổ chức thực hiện dự án: Các điều kiện bảo đảm việc triển khai dự án (phương pháp tổ chức thi công dự án; năng lực về thiết bị công nghệ, cán bộ kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý...); lộ trình thực hiện (thời gian bắt đầu và kết thúc) chương trình, dự án.

5. Dự toán kinh phí thực hiện dự án: Cơ sở lập dự toán, dự toán chi tiết, tổng hợp dự toán kinh phí.

6....

7....

III. Phân tích hiệu quả dự án

1. Đánh giá hiệu quả về kinh tế - tài chính;



Phu lục số 4: Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 200

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số;

Căn cứ Thông tư liên tịch số;

Căn cứ Thông tư số...

....

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 200 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án, đề án chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản liên quan;

Xét đề nghị của Đơn vị... tại Công văn số ... ngày tháng năm 200 về việc đề nghị phê duyệt Dự án ... ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định dự án ... , gồm các thành viên sau đây:

1.(Chủ tịch Hội đồng)

2.....(Ủy viên thường trực Hội đồng)

3.....(Ủy viên)

...

Điều 2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định, đánh giá toàn diện nội dung của Dự án nêu tại Điều 1 và kiến nghị cụ thể về dự án làm cơ sở để Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.



2. Đánh giá hiệu quả về xã hội;
3. Đánh giá tác động đối với môi trường;
4. Đánh giá tính bền vững của chương trình, dự án;
5. Khả năng rủi ro của chương trình, dự án.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN
(ký tên và đóng dấu)



Phụ lục số 5: Mẫu Báo cáo kết quả thẩm định nội dung dự án chuyên môn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

Số:...../

Hà Nội, ngày tháng năm 200

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG DỰ ÁN CHUYÊN MÔN

Tên dự án:
Đơn vị lập dự án:
Mục tiêu:
Nhiệm vụ:
Các phương pháp:
Thời gian:
Sản phẩm:
Tổ chức thực hiện:

Sau khi xem xét tài liệu dự án...kèm theo Công văn số ngày / / của (tên đơn vị trình); Đơn vị (Ghi tên đơn vị thẩm định) căn cứ ... thẩm định nội dung, khối lượng nhiệm vụ và định mức áp dụng (nếu có) của Dự án như sau:

A. Nội dung, khối lượng nhiệm vụ:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Loại khó khăn (hoặc loại chuyên đề)	Khối lượng		Định mức áp dụng (hệ số mức chuyên đổi nếu có)		Ghi chú
				Đơn vị lập	Thẩm định	Đơn vị lập	Thẩm định	
I								(1)
1								(2)
2								(3)
3								...
...								

B. Thuyết minh chênh lệch giữa số thẩm định với số đơn vị lập (theo số thứ tự tại cột ghi chú):

C. Các ý kiến khác (nếu có):

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Thủ trưởng các Đơn vị có liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, Vụ KH.



Phụ lục số 6: Mẫu Báo cáo kết quả thẩm định dự toán kinh phí

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VỤ TÀI CHÍNH

Số:...../TC

Hà Nội, ngày tháng năm 200

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN KINH PHÍ

Tên dự án:

Căn cứ:

- Thông tư ...
- Quyết định số ...
- Định mức....
- Đơn giá
- Kết quả thẩm định khối lượng, nhiệm vụ chuyên môn của Đơn vị (Ghi tên đơn vị thẩm định) tại Văn bản số ngày
- Dự toán đơn vị lập kèm theo Công văn số...

Vụ Tài chính tổng hợp thẩm định nội dung và dự toán kinh phí như sau:

A. Số liệu:

TT	Nội dung	ĐVT	Loại KK	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)		Ghi chú
					Đơn vị lập	Thẩm định	Đơn vị lập	Thẩm định	
I								(1)	
1								(2)	
2								(3)	
3								...	
...									

Tổng dự toán dự án (bằng chữ):

B. Thuyết minh chênh lệch giữa số thẩm định với số đơn vị lập (theo số thứ tự tại cột ghi chú):

C. Các ý kiến khác (nếu có):

Chuyên viên thẩm định

VỤ TRƯỞNG

Phụ lục số 7: Mẫu phê duyệt nội dung dự án chuyên môn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 200

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nội dung dự án ...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số;

Căn cứ Thông tư số....;

....

Xét đề nghị của Đơn vị tại Tờ trình số / ngày tháng năm 200 về việc phê duyệt dự án ... ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự ánvới các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

2. Nhiệm vụ

3. Đơn vị chủ trì dự án

3. Phạm vi thực hiện dự án

4. Nội dung, khối lượng hạng mục công việc (Tuỳ loại dự án có thể chi tiết bằng phụ lục cho phù hợp)

TT	Nội dung hạng mục công việc	Đơn vị tính	Loại khó khăn/ chuyên đề	Khối lượng	Ghi chú
1					
2					

5. Sản phẩm của Dự án

6. Thời gian thực hiện

7. Khái toán kinh phí, nguồn vốn



Phu lục số 8: Mẫu phê duyệt dự toán dự án chuyên môn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 200

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán dự án ...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định sốngày tháng năm về việc phê duyệt nội dung, dự án...

Căn cứ Thông tư số.....;

....

Xét đề nghị của Đơn vị tại Tờ trình số / ngày tháng năm 200 về việc đề nghị phê duyệt dự án ... ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán dự ánvới các nội dung chính như sau:

- 1. Tổng dự toán kinh phí:** (bằng số ... và bằng chữ ...)
- 2. Chi tiết dự toán kinh phí theo từng hạng mục công việc**

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)	Phân kỳ kinh phí	
						Năm....	Năm....
	Tổng số						
1							
2							

3. Phân kỳ kinh phí thực hiện:

4. Nguồn vốn: Kinh phí sự nghiệp.... (Loại..., khoản ...) do Bộ Tài nguyên và Môi trường bố trí theo kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm.



8. Tổ chức thực hiện

Điều 2.

Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Đơn vị (chủ trì thực hiện dự án) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ/ngành liên quan khác (nếu có);
- Lưu VP, Vụ KH.

